

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ R/P. No: 046051147.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ gia đình Trương Văn Thế
Địa chỉ: Xã Nam Chính - Huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N25/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2014, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN) (*)/ Cyanide (CN) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTQL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

Mã KQ/ R.P. No: 046051147.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxycetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	2.73	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	16.8	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	8.35	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	11.3	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.174	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép, từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 046051147.00

TT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER


NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 045051146.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát tại Nhà máy nước sạch xã Nam Chính - Công ty Cp xây dựng và vận tải Sông Hồng
Địa chỉ: Xã Nam Trung- Huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N24/12/23/NK

6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Results(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài từ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 045051146.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	3.13	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	16.2	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetone nitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	8.07	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	11.4	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.265	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tst-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 045051146.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB: 2022
Chú thích/ Remarks:						
1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.						
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**): Items are tested by subcontractor.						
3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.						
4. Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.						

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
TSL
KIỂM NGHIỆM
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

M.S.C.N: 031212615 - GIÁM ĐỐC
HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO., LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 049051150.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/11/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/11/2023 - 27/11/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ gia đình Trương Văn Sáng
Địa chỉ: Xã Nam Trung - Huyện Tiền Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N27/11/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPI/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QC/BP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of Issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 049051150.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyazazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	3.43	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	14.9	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	8.02	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	11.7	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Vết 0.030 (< LOQ = 0.050)	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4667

Website: <http://tst-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c); Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Mã KQ/ RP. No: 049051150.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7.302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 048051149.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát Xi nghiệp nước sạch Nam Trung
Địa chỉ: Thôn Trung Đông - Xã Nam Trung - Huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N26/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPP/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bô (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN) (*)/ Cyanide (CN) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TT-CL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.




CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Mã KQ/ RP. No: 048051149.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2- methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	3.36	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	15.8	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	7.96	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	11.0	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTQL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài từ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2333L1593
Mã KQ/ RP. No: 048051149.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử Nghiệm/ Test Method
					QCDP 01: 2022/ NH TB

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN



HUYỀN TÀN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang/ Page No: 1/3

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 051051152.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ gia đình Phạm Văn Hóa
Địa chỉ: xã Nam Cường - huyện Tiền Hải- Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N29/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chưa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TT-QL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài từ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331L1593
Mã KQ/ RP. No: 051051152.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxycetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	15.2	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.93	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	67.7	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

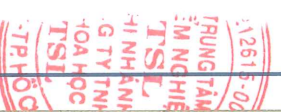
Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 051051152.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCDBP 01, 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	-----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- 3GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- 4.Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TT-CL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang/ Page No: 1/3

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 050051151.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát Trạm cấp nước Nam Cường
Địa chỉ: Thôn Đức Cường - xã Nam Cường - huyện Tiên Hải- Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N28/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPP/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang / Page No: 2/3

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 050051151.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	3.01	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	14.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	7.85	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	11.8	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TT-CL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/
Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. *This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.*

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang/ Page No: 3/3

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 050051151.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022M TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN



HUYỄN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 053051154.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ gia đình Nguyễn Văn Bình
Địa chỉ: xã Đông Trà - huyện Tiên Hải Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N31/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 5922A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 053051154.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCBP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	14.3	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.42	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	67.4	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 053051154.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022 TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	---------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- 3GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- 4.Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CAM TUYỀN



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Tang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 052051153.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát Trạm cấp nước Đồng Trá
Địa chỉ: Thôn Đình Cự Tây - xã Đông Trá - huyện Tiên Hải Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N30/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPP/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Ba (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6161:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TT-CL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép, từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 052051153.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
8	Carbوترan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	15.0	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.60	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	62.3	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép, từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 052051153.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QC DP 01. 20221 TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	--------------------------------

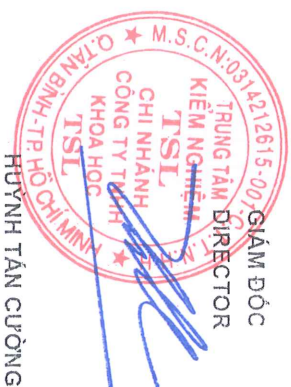
Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



HUYỄN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593
Mã KQ/ RP. No: 055051156.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ gia đình Trần Văn Dương
Địa chỉ: Xã Đông Trung - Huyện Thiên Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N33/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-K1-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 5922A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687
Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X23311593
Mã KQ/ RP. No: 055051156.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	15.4	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.30	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	66.7	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.144	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c). Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

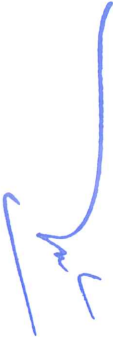
Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 055051156.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01- 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (¹): Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (^{*}): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (^{**}): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (^{**}): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN



TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
 Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 054051155.00

Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH

2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình

3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023

4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023

5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt

Vị trí lấy: Vòi phát Nhà máy nước Đồng Trung

Địa chỉ: Thôn Mỹ Đức - Xã Đông Trung - Huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình

Bình

Ký hiệu mẫu: N32/12/23/NK

6. Mô tả mẫu/ Sample Description

: Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN) (*)/ Cyanide (CN) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 054051155.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	14.7	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.81	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	67.5	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.099	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c); Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 054051155.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CAM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HUYỀN TÂN CƯỜNG



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593
Mã KQ/ RP. No: 056051157.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát Trạm cấp nước Sạch xã Đông Minh
Địa chỉ: xã Đông Lâm - huyện Tiên Hải-Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N34/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3:120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 056051157.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	14.7	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.76	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	63.1	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Vết 0.043 (< LOQ = 0.050)	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tst-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 056051157.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 04: 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- 3GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- 4: Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**



NGUYỄN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
 Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang/ Page No: 1/3

Mã số Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 057051158.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ gia đình Bụi Văn Thanh
Địa chỉ: xã Đông Lâm - huyện Tiền Hải-Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N35/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử/ Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN) (*)/ Cyanide (CN) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ PhenoI and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-108:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
 Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KO/ RP. No: 057051158.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	14.1	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetanitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.84	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	63.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Vết 0.038 (< LOQ = 0.050)	mg/L	0.017	TCVN: 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
 Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331L1593
Mã KQ/ RP. No: 057051158.00

STT/ No	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
					QCQP 01 2022/ TB

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chi tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**): Items are tested by subcontractor.
- 3GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN



TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
 Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/Ref. No: 1X233L1593

Trang/ Page No: 1/3

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 059051160.00

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
 2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình

3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
 4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023

5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt

Vị trí lấy: Hộ gia đình Nguyễn Thị Hoa

Địa chỉ: Thôn Nguyễn Lữ - xã Tây Tiến - huyện Tiên Hải- Thái Bình

Ký hiệu mẫu: N37/12/23/NK

6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMI/WW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6793-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbolfuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 059051160.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	13.9	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.37	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	65.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.060	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tst-net.com.vn>

TS-TTQL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 059051160.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- 3GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
4. Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



CHUYÊN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test/report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test/report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ R.P. No: 058051159.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/11/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/11/2023 - 27/11/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát nhà máy Nhà máy nước Tây Tiến
Địa chỉ: Thôn Nguyện Lữ - xã Tây Tiến - huyện Tiên Hải- Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N36/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c) Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép, từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593
Mã KQ/ RP. No: 058051159.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2- methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	13.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.48	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	62.3	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TT-CL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ R.P. No: 058051159.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QC DP 01: 2022/ TB
<p>Chú thích/ Remarks:</p> <p>1. (*): Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.</p> <p>2. (**): Chi tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.</p> <p>3.GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.</p> <p>4. Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.</p>						

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



NGUYỄN TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (C): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.9/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 061051162.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ gia đình Lê Duy Tuyên
Địa chỉ: Thôn Thường Kiệt - xã Vũ Lăng - huyện Tiên Hải- Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N39/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tst-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ R.P. No: 061051162.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	4.19	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	22.0	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	11.1	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	55.2	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.327	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ R.P. No: 060051161.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: CTCP XD và Môi trường Việt NAM
Địa chỉ: Thôn Thường Kiệt - xã Vũ Lăng - huyện Tiên Hải- Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N38/12/23/INK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of Issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 060051161.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	14.0	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetoneitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	3.56	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	66.5	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.113	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
 Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test/report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test/report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM KHOA HỌC TSL
 126 5-0
 TSL
 CHINH H
 ĐÔNG T
 KHOA H
 TSL
 TÂM - TP H

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 060051161.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022 TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	---------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**



TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331L1593
Mã KQ/ RP. No: 063051164.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ Gia đình Phạm Văn Minh
Địa chỉ: Xã Vũ Lăng – Huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N41/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPI/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	0.042	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-7:1:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703- 1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KOI/ RP. No: 063051164.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	4.00	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	21.4	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	10.5	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	54.2	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 063051164.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chi tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- 3GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- 4.Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER


NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN


HUYỄN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593
Mã KQ/ RP. No: 062051163.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát Nhà máy nước Hiện Hoà - Công Ty TNHH Xây Dựng & Thương Mại Hiện Hoà
Địa chỉ: Thôn Tam Đồng – Xã Vũ Lăng – Huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N40/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	0.039	mg/L	-	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài từ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL. This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X23311593
Mã KQ/ RP. No: 062051163.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	M/CPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	4.08	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	22.4	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetoneitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	10.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	56.5	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
 2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
 3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

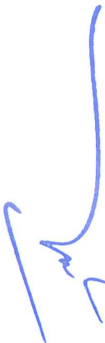
Mã KO/ RP. No: 062051163.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022 TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	---------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



NGUYỄN VĂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593
Mã KQ/ RP. No: 065051166.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/11/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/11/2023 - 27/11/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ Gia đình Nguyễn Văn Hiến
Địa chỉ: Thị trấn Tiên Hải- huyện Tiên Hải-Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N43/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN-) (*)/ Cyanide (CN-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of Issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 065051166.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPP/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCBP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxycetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	3.68	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	20.7	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	10.8	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	52.2	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.017	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

12615
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL
Hàng MIRA
AOSC
VACI
VALAS 120

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 065051166.00

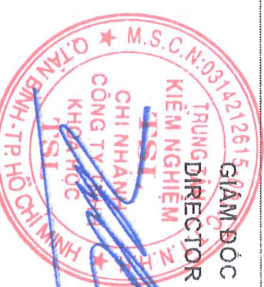
STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCDBP 2022/
						10/1 C.01 EM 2022/ TBE

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chi tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



GIÁM ĐỐC
TRUNG
DIRECTOR
KIỂM NGHIỆM
CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KHOA HỌC
TSL
HỒ CHÍ MINH

HUYỀN TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-ITCL-7.8/BM-04

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 064051165.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát Xi nghiệp nước Tiên Hải
Địa chỉ: Phố Hùng Thắng - Thị trấn Tiên Hải- huyện Tiên Hải - Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N42/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPI/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Niôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700

[Handwritten Signature]

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 064051155.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPP/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	3.85	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	20.8	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	10.9	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	51.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.062	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị nếu thử nghiệm được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Tang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 064051165.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 20221 TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CAM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



NGUYỄN VĂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 067051168.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Hộ Gia đình Nguyễn Quang Quân
Địa chỉ: xã Vân Trường - huyện Tiên Hải- Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N45/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Results(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Niôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW/ 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-102:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbolfuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c) Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/11/2023

TEST REPORT

Mã KQ/ RP. No: 067051168.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxycetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	4.17	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	22.3	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	10.1	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoforn (*)	50.4	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.196	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Tangl/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 067051168.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**): Items are tested by subcontractor.
- 3GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- 4.Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER


NGUYỄN THỊ CẨM UYÊN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR


HUỖNH TÂN CƯỜNG



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X2331.1593
Mã KQ/ RP. No: 066051167.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THÁI BÌNH
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 10, Đường Hoàng Công Chất - Phường Quang Trung - Thành phố Thái Bình - Thái Bình
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 23/12/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 23/12/2023 - 27/12/2023
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Nước sinh hoạt
Vị trí lấy: Vòi phát Trạm cấp nước sạch Văn Trường
Địa chỉ: xã Văn Trường - huyện Tiền Hải- Tỉnh Thái Bình
Ký hiệu mẫu: N44/12/23/NK
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa kín có tem niêm phong của Trung Tâm Kiểm Soát Bệnh Tật Tỉnh Thái Bình - Sở Y tế Tỉnh Thái Bình

7. Bảng kết quả/ Results Table

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
1	Bo (B) (*)/ Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
2	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2
3	Cyanua (CN ⁻) (*)/ Cyanide (CN ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
4	Benzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10
5	Phenol và dẫn xuất phenol (*)/ Phenol and its derivatives (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
6	Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
7	Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
8	Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài từ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 2/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593
Mã KQ/ RP. No: 066051167.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01: 2022/ TB
9	Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
10	Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	0.6
11	Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	200
12	MCPA (4-Chloro-2-methylphenoxyacetic acid) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	2
13	Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2020	20
14	Chloroform (*)	4.10	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
15	Dibromochloromethane (*)	21.6	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
16	Monochloroacetic acid (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-144:2022	20
17	Trichloroacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
18	Bromodichloromethane (*)	10.8	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
19	Bromoform (*)	53.0	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
20	Monochloramine (*)	0.111	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	3

TSL SCIENCE CO.,LTD
HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.
Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.
Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (G): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM TSL

Trang/ Page No: 3/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 27/12/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X233L1593
Mã KQ/ RP. No: 066051167.00

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCQP 01: 2022/ TB
-------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------	----------------------------

Chú thích/Remarks:

- (*) : Chi tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chi tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER**

NGUYỄN THỊ ~~CAM HUYEN~~



HUYỄN TÀN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (o): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoài trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04